

CHẾ ĐỊNH TRÁCH NHIỆM CÔNG VỤ TRONG PHÁP LUẬT TRIỀU NGUYỄN VÀ GIÁ TRỊ LỊCH SỬ ĐỐI VỚI KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

(THE INSTITUTION OF OFFICIAL DUTY RESPONSIBILITY IN THE LAW OF THE NGUYEN DYNASTY AND ITS HISTORICAL VALUE FOR MODERN CONTROL OF STATE POWER)

TS. TRẦN QUYẾT THẮNG

Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại thành phố Đà Nẵng.

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Trách nhiệm công vụ; pháp luật triều Nguyễn; Hoàng Việt luật lệ; kiểm soát quyền lực; quan lại.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 6/5/2026
Hoàn thành phân biện: 7/7/2026
Duyệt đăng : 5/8/2026

Tóm tắt:

Bài viết phân tích nội dung chế định trách nhiệm công vụ trong pháp luật triều Nguyễn, tập trung vào các quy định về nghĩa vụ, kỷ luật và kiểm soát hoạt động của quan lại. Trên cơ sở khảo cứu các quy phạm trong Hoàng Việt luật lệ và thực tiễn quản lý nhà nước, bài viết làm rõ cơ chế ràng buộc trách nhiệm, phòng ngừa lạm quyền và bảo đảm kỷ cương hành chính. Đồng thời, bài viết đánh giá các giá trị lịch sử và chỉ ra ý nghĩa tham khảo đối với việc hoàn thiện pháp luật về kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách hành chính.

Article Information:

Keywords: Official responsibility; Nguyen Dynasty law; Hoang Viet Luat Le; power control; official.

Article History:

Received : 6 May 2026
Review completed : 7 Jul 2026
Approved : 5 Aug 2026

Abstract:

The article analyzes the content of the institution of official duty responsibility in the law of the Nguyen Dynasty, focusing on regulations regarding duties, discipline, and the control of mandarin activities. Based on an examination of the rules in Hoang Viet Luat Le and state management practices, the article clarifies mechanisms for binding responsibility, preventing the abuse of power, and ensuring administrative discipline. At the same time, it evaluates the historical values and highlights their relevance for improving the legal framework on controlling state power in Vietnam today, particularly in the context of building a rule-of-law state and advancing administrative reform.

Đặt vấn đề

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, việc kiểm soát quyền lực nhà nước và nâng cao trách nhiệm công vụ trở nên cấp thiết, nhằm xây dựng nền hành chính liêm chính, minh bạch và hiệu quả. Thực tiễn ở nước ta, thời gian qua cho thấy, đâu đó vẫn còn tồn tại tình

trạng lạm quyền, thiếu trách nhiệm, tham nhũng và xung đột lợi ích, đòi hỏi cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước. Trong bối cảnh này, nghiên cứu giá trị lịch sử pháp luật truyền thống, đặc biệt chế định trách nhiệm công vụ triều Nguyễn qua Hoàng Việt luật lệ, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, cung cấp

những gợi mở có giá trị cho việc hoàn thiện pháp luật về kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

1. Bối cảnh và sự hình thành chế định trách nhiệm công vụ triều Nguyễn

Sự hình thành chế định trách nhiệm công vụ trong pháp luật triều Nguyễn gắn với quá trình xác lập và củng cố Nhà nước quân chủ tập quyền đầu thế kỷ XIX, từ khi triều Nguyễn ra đời năm 1802. Trong bối cảnh chế độ phong kiến suy thoái, mâu thuẫn xã hội gia tăng và nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra như Phan Bá Vành, Nông Văn Vân, Lê Văn Khôi, Cao Bá Quát¹, yêu cầu giữ vững trật tự và kỷ cương hành chính trở nên cấp thiết. Bối cảnh đó thúc đẩy triều đình xây dựng các quy định pháp lý nhằm ràng buộc trách nhiệm, kiểm soát hoạt động của đội ngũ quan lại.

Về phương diện chính trị - tổ chức quyền lực, Nhà nước dưới triều Nguyễn được tổ chức theo nguyên tắc quân chủ trung ương tập quyền, trong đó toàn bộ quyền lực tập trung vào Hoàng đế. Ở Trung ương, bên cạnh nhà Vua là hệ thống các cơ quan như: Lục Bộ, Thông chính sứ ty, Bưu chính ty, Dịch trạm và các tỉnh với Bố chính ty, các phủ, huyện... chuyên giải quyết công việc hành chính hàng ngày; Đô sát viện, Hàn lâm viện và các thiết chế giúp việc mang tính chuyên môn cao². Ngay từ đầu triều Gia Long, để đáp ứng yêu cầu xử lý khối lượng lớn công văn, giấy tờ trong quản lý quốc gia, triều đình đã thiết lập các cơ quan chuyên trách như: Thị thư viện, Thị hàn viện và Thượng bảo ti (gọi chung là “Tam

nội viện”) làm nhiệm vụ văn thư và tham mưu. Đến năm 1820, các cơ quan này được hợp nhất thành Văn thư phòng nhằm thống nhất quản lý công văn, giấy tờ³; và đến năm 1829, tiếp tục được kiện toàn thành Nội các - cơ quan giữ vai trò trung tâm trong việc tiếp nhận, xử lý, truyền đạt và lưu trữ các chỉ dụ, tấu sớ, đồng thời tham gia vào quá trình kiểm soát thông tin và vận hành quyền lực nhà nước⁴.

Ở địa phương, bộ máy hành chính đầu triều Nguyễn còn mang tính chuyển tiếp, duy trì song song các đơn vị Trấn ở Đàng Ngoài và Dinh ở Đàng Trong⁵ - hệ quả của tình trạng chia cắt kéo dài trước đó. Trong khi đó ở khu vực miền Trung do triều đình Huế trực tiếp quản lý vừa tồn tại cấp Dinh vừa duy trì cấp Trấn⁶. Sự khác biệt này khiến việc tổ chức và quản lý địa phương thiếu thống nhất, buộc triều đình phải dựa nhiều vào đội ngũ quan lại tại chỗ để thực thi quyền lực. Trong bối cảnh đó, hoạt động công vụ của quan lại trở thành yếu tố quyết định hiệu lực quản lý, nhưng đồng thời cũng làm gia tăng nguy cơ lạm quyền khi quyền lực tập trung ở Trung ương còn việc thực thi phân tán ở địa phương, đặt ra yêu cầu phải thiết lập các ràng buộc chặt chẽ về trách nhiệm công vụ nhằm bảo đảm kỷ cương hành chính.

Trong bối cảnh đó, các hiện tượng tiêu cực trong thi hành công vụ như tham nhũng, nhũng nhiễu, lạm quyền, thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc, sai lệch trong xét xử... trở thành những vấn đề nổi cộm, ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín và tính chính danh

¹ Trương Vĩnh Khang - Cao Việt Thăng, *Kiểm soát quyền lực nhà nước từ kinh nghiệm thời Nguyễn và gợi ý cho nước ta hiện nay*, Tạp chí Khoa học kiểm sát, số 05/2022, tr. 63.

² Trần Thị Thanh Thanh, *Về cơ chế giám sát trong nền hành chính triều Nguyễn thời kỳ 1802 - 1883*, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, số 3/2004, tr. 10.

³ Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 14, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 16-17.

⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam Thực lục chính biên*, tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 954.

⁵ Đỗ Bang, *Khảo cứu kinh tế và tổ chức bộ máy nhà nước triều Nguyễn: Những vấn đề đặt ra hiện nay*, Nxb. Thuận Hóa, 1998, tr. 145-146.

⁶ Đỗ Bang, *Tổ chức bộ máy nhà nước triều Nguyễn (1802 - 1884)*, Nxb. Thuận Hóa, 1997, tr. 126-127.

của chính quyền Trung ương⁷. Đối với một Nhà nước quân chủ, việc duy trì kỷ cương hành chính và bảo đảm sự trung thành của quan lại có ý nghĩa sống còn. Do đó, bên cạnh việc hoàn thiện tổ chức bộ máy, triều Nguyễn đặc biệt chú trọng đến việc thiết lập các quy phạm pháp luật nhằm ràng buộc trách nhiệm của quan lại trong thi hành công vụ. Nói cách khác, nhu cầu kiểm soát quyền lực trong nội bộ bộ máy nhà nước trở thành động lực trực tiếp thúc đẩy sự hình thành của chế định trách nhiệm công vụ.

Dưới triều Nguyễn, Nho giáo - hệ tư tưởng đã chi phối tổ chức và hoạt động của Nhà nước phong kiến Việt Nam suốt nhiều thế kỷ - tiếp tục giữ vai trò nền tảng trong quản lý xã hội, dù được vận dụng linh hoạt theo hướng “Dương Nho, âm Pháp”⁸. Theo đó, quan lại không chỉ là chủ thể thực thi quyền lực mà còn phải tuân thủ các chuẩn mực đạo đức như trung, liêm, cần, chính, thực hiện “tận trung với Vua, tận trách với dân”. Tuy nhiên, trước yêu cầu kiểm soát quyền lực trong bộ máy hành chính ngày càng mở rộng, triều Nguyễn đã từng bước chuyển hóa các chuẩn mực đạo đức này thành các quy phạm pháp luật có tính bắt buộc, gắn với cơ chế kiểm soát và chế tài cụ thể.

Quá trình pháp điển hóa đạt đỉnh cao với việc ban hành Hoàng Việt luật lệ năm 1815 (398 điều), kế thừa pháp luật các triều trước và tham khảo luật nhà Thanh. Bộ luật này không chỉ thiết lập kỷ cương pháp lý mà còn trực tiếp điều chỉnh hành vi quan lại trong thi hành công vụ, quy định rõ các vi phạm như tham nhũng, lạm quyền, thiếu trách nhiệm cùng chế tài nghiêm khắc, qua đó

“luật hóa” trách nhiệm công vụ. Đồng thời, triều Nguyễn thiết lập các cơ quan giám sát như Đô sát viện, Lục khoa hoạt động như “tai mắt” của nhà Vua⁹, tạo cơ chế kiểm soát chéo, góp phần ràng buộc và kiểm soát quyền lực của đội ngũ quan lại.

Từ những phân tích trên có thể thấy, chế định trách nhiệm công vụ trong pháp luật triều Nguyễn được hình thành trên cơ sở tổng hợp nhiều yếu tố như nhu cầu quản lý nhà nước, bối cảnh chính trị - xã hội biến động, nền tảng tư tưởng Nho giáo và quá trình pháp điển hóa. Đây là sự chuyển hóa từ chuẩn mực đạo đức sang các quy phạm pháp lý mang tính bắt buộc nhằm kiểm soát quyền lực trong Nhà nước quân chủ. Dù còn hạn chế lịch sử nhất định, chế định này vẫn góp phần quan trọng vào việc duy trì kỷ cương hành chính và bảo đảm hiệu lực vận hành của bộ máy nhà nước.

2. Nội dung của chế định trách nhiệm công vụ trong pháp luật triều Nguyễn

Chế định trách nhiệm công vụ trong pháp luật triều Nguyễn được thể hiện tập trung trong Hoàng Việt luật lệ và các văn bản hành chính như Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, các dụ chỉ của Vua. Trách nhiệm công vụ không chỉ là chuẩn mực đạo đức mà đã được quy phạm hóa thành các quy định cụ thể, điều chỉnh toàn diện hành vi quan lại từ nghĩa vụ, hành vi bị cấm, chế tài đến cơ chế bảo đảm thực thi, qua đó hình thành khuôn khổ pháp lý nhằm kiểm soát quyền lực.

Trước hết, pháp luật triều Nguyễn xác lập một hệ thống nghĩa vụ rõ ràng đối với quan lại, trong đó nghĩa vụ trung thành với nhà Vua

⁷ Tuấn Ngọc, *Nhà Nguyễn và những vụ án “phép nước bắt vi thân”*, <https://baophapluat.vn/nha-nguyen-va-nhung-vu-an-phep-nuoc-bat-vi-than.html>, truy cập ngày 18/3/2026.

⁸ Lê Cảnh Vững, *Tư tưởng đề cao Nho giáo của Vua Minh Mệnh trong Minh Mệnh chính yếu*, Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, tập 72A, số 3/2012, tr. 269.

⁹ Trương Vĩnh Khang - Cao Việt Thăng, *Kiểm soát quyền lực nước từ kinh nghiệm thời Nguyễn và gợi ý cho nước ta hiện nay*, Tạp chí Khoa học kiểm sát, số 05/2022, tr. 64.

- “phụng thờ Vua phải theo trung”¹⁰ giữ vị trí trung tâm của trách nhiệm công vụ. Quan lại, với tư cách là người thay mặt nhà Vua thực thi quyền lực nhà nước, phải tuyệt đối trung quân, đặt lợi ích của triều đình lên trên hết. Nghĩa vụ này không chỉ được thể hiện dưới dạng chuẩn mực đạo đức mà còn được củng cố bằng các quy định pháp lý cụ thể. Vua Minh Mạng từng dụ rằng: “*Bề tôi đối với Vua cũng như con đối với cha, tình rất tương thân, phạm việc đều được bày tâu, trẫm không vì lời nói mà bắt tội người*”¹¹, qua đó vừa khẳng định yêu cầu trung thành, vừa thừa nhận trách nhiệm can gián của quan lại trong việc góp phần điều chỉnh chính sự. Tuy nhiên, sự trung thành này có giới hạn pháp lý nghiêm ngặt: theo quy định tại Điều 2, quyển II (phần Danh lệ) và các điều 1, 2, 4, 5, 10 quyển XII (phần Đạo tặc) của Hoàng Việt luật lệ, các hành vi xâm phạm hoàng quyền như mưu phản, mưu đại nghịch, mưu bán, đại bất kính đều bị xếp vào nhóm “Thập ác tội” và bị áp dụng hình phạt cao nhất là tử hình, đồng thời có thể kéo theo trách nhiệm liên đới đối với người thân thuộc. Điều này cho thấy nghĩa vụ trung quân không chỉ là yêu cầu chính trị - đạo đức mà đã được pháp luật hóa thành chuẩn mực bắt buộc, gắn liền với chế tài đặc biệt nghiêm khắc, qua đó bảo đảm sự ổn định của trật tự quyền lực trong Nhà nước quân chủ.

Bên cạnh đó, pháp luật còn yêu cầu quan lại tận tụy, có trách nhiệm trong thực thi công vụ. Các quy định về thời hạn giải quyết công việc, xử lý tâu sớ, xét xử, thu thuế hay quản lý hành chính được xác định khá cụ thể: việc khẩn phải giải quyết trong ngày, việc cần tra

cứu kéo dài đến vài ngày¹², còn xét xử có thời hạn từ một đến ba tháng tùy tính chất vụ việc¹³. Những quy định này cho thấy trách nhiệm công vụ không chỉ dừng ở yêu cầu định tính mà còn được lượng hóa bằng các tiêu chí rõ ràng, tạo cơ sở kiểm tra và xử lý trách nhiệm.

Một nội dung cốt lõi khác của chế định trách nhiệm công vụ là yêu cầu về tính công chính, liêm khiết của quan lại. Pháp luật triều Nguyễn đặc biệt chú trọng đến việc phòng ngừa và xử lý tham nhũng, coi đây là nguy cơ lớn đối với sự ổn định của Nhà nước. Trong Hoàng Việt luật lệ, có tới 17 quyển quy định riêng về các tội liên quan đến nhận hối lộ, cùng với gần 20 điều khoản trực tiếp điều chỉnh hành vi này. Điều đó cho thấy việc kiểm soát hành vi lợi dụng chức vụ để trục lợi đã được đặt ở vị trí trung tâm của chế định trách nhiệm công vụ. Các quy định không chỉ dừng lại ở việc cấm đoán mà còn xác lập rõ hậu quả pháp lý đối với từng hành vi vi phạm. Bên cạnh đó, pháp luật triều Nguyễn thiết lập chế tài rất nghiêm khắc với tham nhũng và xâm phạm tài sản công. Ví dụ: Điều 138 quy định quan lại nhận hối lộ thì số tiền bị tịch thu và xử phạt gấp đôi; Điều 560 buộc bồi thường gấp đôi thiệt hại tài sản nhà nước; Điều 392 quy định xử chém người biển thủ tiền lương hoặc vật tư kho mà tang vật đạt đến 40 lượng. Những quy định này thể hiện rõ nguyên tắc xử lý: không chỉ trừng phạt cá nhân vi phạm mà còn triệt tiêu toàn bộ lợi ích vật chất có được từ hành vi tham nhũng. Nguyên tắc “bồi thường gấp đôi” không chỉ mang ý nghĩa khắc phục hậu quả mà còn có tác dụng răn đe mạnh mẽ, khiến quan lại “không dám” và “không thể” tham nhũng¹⁴.

¹⁰ Dương Hồng - Vương Thành Trung - Nhiệm Đại Viện - Lưu Phong, *Tứ thư*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003, tr. 156.

¹¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *tlđđ*, tập 5, tr. 31.

¹² Quốc sử quán triều Nguyễn, *tlđđ*, tập 5, tr. 582.

¹³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *tlđđ*, tập 5, tr. 520.

¹⁴ Nguyễn Xuân Đông - Tạ Quang Đạo, *Phòng, chống tham nhũng - kinh nghiệm nhìn từ lịch sử dân tộc*, Tạp chí Cộng sản điện tử, <https://tapchicongsan.org.vn/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/21045/phong%2C-chong-tham-nhung---kinh-nghiem-nhin-tu-lich-su-dan-toc.aspx>, truy cập ngày 18/3/2026.

Bên cạnh việc xử lý tham nhũng, pháp luật triều Nguyễn còn quy định cụ thể nhiều hành vi vi phạm khác liên quan đến trách nhiệm công vụ, đặc biệt là trong quản lý và sử dụng tài sản công. Quan lại không được phép tự ý sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích cá nhân dưới bất kỳ hình thức nào. Theo quy định tại Điều 10, quyển VI (chương Ruộng đất) của Hoàng Việt luật lệ, quan lại tự tiện sử dụng xe, thuyền công vào việc riêng sẽ bị xử phạt 50 roi¹⁵. Trường hợp nghiêm trọng hơn, nếu giám thủ, chủ thủ tự ý lấy tiền lương hoặc vật tư của Nhà nước để sử dụng riêng hoặc cho người khác vay mượn thì bị xử theo tội “giám thủ tự lấy trộm”, căn cứ theo Điều 7, quyển VIII (chương Kho tàng). Ngoài ra, các hành vi sử dụng trái phép những tài sản công khác cũng đều bị xử phạt, như quy định tại Điều 8, quyển VIII (chương Kho tàng) với mức phạt 50 roi¹⁶. Những quy định này cho thấy pháp luật triều Nguyễn đã thiết lập các ranh giới pháp lý rõ ràng trong việc sử dụng tài sản công, qua đó ngăn ngừa tình trạng tùy tiện, lạm quyền và bảo đảm tính liêm chính trong hoạt động công vụ.

Đáng chú ý, trách nhiệm công vụ trong pháp luật triều Nguyễn còn mở rộng sang lĩnh vực đạo đức và đời sống cá nhân nhằm bảo đảm tính liêm chính, khách quan. Theo Điều 10, quyển VII Hoàng Việt luật lệ¹⁷, quan lại không được lấy phụ nữ tại địa phương mình cai quản làm thê thiếp để phòng ngừa xung đột lợi ích. Đồng thời, Điều 6, quyển XVIII (chương Phạm gian) quy định hành vi gian dâm với vợ con của dân nơi sở thuộc bị xử bãi chức vì không còn đủ tư cách “trông nom,

giáo hóa dân”¹⁸. Bên cạnh đó, Điều 9, quyển XVIII¹⁹ cũng cấm nuôi con hát trong nhà do ảnh hưởng đến phẩm hạnh. Những quy định này cho thấy pháp luật không chỉ điều chỉnh công vụ theo nghĩa hẹp mà còn đặt ra yêu cầu cao về đạo đức cá nhân, coi quan lại là “phụ mẫu chi dân”²⁰, phải nêu gương và giữ gìn phẩm chất trong quản lý xã hội.

Trong lĩnh vực xét xử, trách nhiệm công vụ được pháp luật triều Nguyễn quy định chặt chẽ nhằm bảo đảm công bằng và đúng pháp luật, do hình pháp gắn trực tiếp với sinh mạng con người. Vì vậy, quan lại xét xử phải tuân thủ nghiêm ngặt trình tự, thủ tục tố tụng. Cụ thể, khi xét hỏi phải dựa theo cáo trạng, không được tự ý thêm bớt tội danh²¹ (Điều 12, quyển XIX, chương Đoán ngục); khi định tội phải dẫn chiếu đúng điều luật, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định về điều tra, khám nghiệm và xét xử²² (các điều 1, 3, 4, 5, 7, quyển XX, chương Đoán ngục). Quan lại cũng không được phép kéo dài việc giam giữ, không được trợ giúp tù nhân trốn thoát hay xúi giục thay đổi lời khai. Bên cạnh đó, vua Minh Mạng còn yêu cầu việc xét xử phải bảo đảm nguyên tắc “tốc do phạt” và “bất lưu ngục”, tức xử lý nhanh chóng nhưng thận trọng, công minh, không thiên vị; nếu xử án trái phép, vì tư tình mà làm sai lệch công lý thì quan lại có thể bị bãi chức. Những quy định này phản ánh mức độ pháp điển hóa cao của trách nhiệm công vụ trong hoạt động tư pháp, đồng thời đặt quan lại dưới những ràng buộc pháp lý nghiêm khắc nhằm bảo đảm công lý và trật tự xã hội.

¹⁵ Viện Sử học, *Cổ luật Việt Nam: Quốc triều Hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2009, tr. 422.

¹⁶ Viện Sử học, *tlđđ*, tr. 461.

¹⁷ Viện Sử học, *tlđđ*, tr. 438.

¹⁸ Viện Sử học, *tlđđ*, tr. 880.

¹⁹ Viện Sử học, *tlđđ*, tr. 882.

²⁰ Phạm Thị Thu Hiền, *Nghĩa vụ của quan lại đối với nhà Vua dưới triều Gia Long và Minh Mệnh: Một số giá trị kế thừa*, Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội, số 1/2018, tr. 37.

²¹ Viện Sử học, *tlđđ*, tr. 939.

²² Viện Sử học, *tlđđ*, tr. 964-971.

Không chỉ dừng lại ở việc quy định nghĩa vụ và chế tài, pháp luật triều Nguyễn còn thiết lập các cơ chế bảo đảm thực thi trách nhiệm công vụ. Một trong những cơ chế quan trọng là hệ thống giám sát của Nhà nước, đứng đầu là Đô sát viện. Cơ quan này có chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của quan lại, phát hiện và kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm. Sự tồn tại của một cơ quan giám sát chuyên trách cho thấy Nhà nước đã nhận thức rõ nguy cơ lạm quyền và tìm cách kiểm soát thông qua thiết chế tổ chức.

Bên cạnh đó, cơ chế giám sát nội bộ cũng được thiết lập thông qua quyền “hặc tấu” của quan lại²³. Các quan có thể tố cáo, đàn hặc lẫn nhau khi phát hiện sai phạm. Cơ chế này tạo ra một mạng lưới kiểm soát chéo trong nội bộ bộ máy nhà nước, góp phần hạn chế tình trạng bao che và lạm quyền. Đồng thời, Nhà nước còn tiến hành “khảo hạch” quan lại định kỳ để đánh giá năng lực và đạo đức. Những người không đạt yêu cầu có thể bị giáng chức hoặc bãi chức, qua đó tạo áp lực buộc quan lại phải thực hiện tốt trách nhiệm công vụ.

Một cơ chế đặc biệt quan trọng nhằm bảo đảm tính khách quan trong thực thi công vụ là “lệ hồi tỵ”, được quy định chặt chẽ dưới triều Nguyễn. Theo đó, quan lại không được làm việc hoặc tham gia giải quyết các công việc liên quan đến địa phương quê quán hay nơi có quan hệ thân thuộc; nếu rơi vào các trường hợp này phải chủ động xin tránh²⁴. Đồng thời, pháp luật còn quy định việc luân chuyển quan lại để phòng ngừa quan hệ gia đình, địa phương chi phối hoạt động công vụ, như không để người cùng huyết thống

làm việc chung một cơ quan hoặc cùng quản lý một địa bàn²⁵. Song song với cơ chế hồi tỵ, pháp luật còn nghiêm cấm hành vi tư vị, kết bè đảng để lũng đoạn triều chính; nếu vi phạm có thể bị xử phạt rất nghiêm khắc, thậm chí đến mức xử chém, tịch thu tài sản và liên đới gia đình (Điều 12, 13, quyền IV, chương Quy chế quan chức). Ngoài ra, các hành vi làm suy thoái đạo đức công vụ như cờ bạc, rượu chè, hút thuốc phiện cũng bị cấm đoán và xử phạt nặng, có thể dẫn đến cách chức²⁶. Điều này phản ánh rằng, cơ chế hồi tỵ không dừng ở việc phòng ngừa xung đột lợi ích mà còn được củng cố bằng các biện pháp pháp lý và kỷ luật nghiêm ngặt, qua đó duy trì tính liêm chính và kỷ cương công vụ.

Cuối cùng, chế định trách nhiệm công vụ còn được bảo đảm bằng cơ chế thưởng - phạt rõ ràng. Quan lại có thành tích sẽ được khen thưởng, thăng chức; ngược lại, những người vi phạm sẽ bị xử phạt nghiêm khắc. Nguyên tắc “thưởng đáng công, phạt đáng tội” được đề cao như một công cụ quan trọng để điều chỉnh hành vi của quan lại. Sự kết hợp giữa thưởng và phạt không chỉ tạo động lực mà còn góp phần củng cố kỷ cương pháp luật trong bộ máy nhà nước.

Phân tích trên cho thấy, chế định trách nhiệm công vụ trong pháp luật triều Nguyễn đã hình thành hệ thống quy định tương đối hoàn chỉnh, bao quát nghĩa vụ, hành vi vi phạm, chế tài và cơ chế thực thi. Việc “luật hóa” trách nhiệm công vụ góp phần thiết lập kỷ cương hành chính, kiểm soát quyền lực, đồng thời tạo nền tảng giá trị tham khảo cho việc hoàn thiện pháp luật hiện nay.

²³ Phạm Thị Thu Hiền, *tlđd*, tr. 38.

²⁴ Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, 3 tập, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 390-393; Viện Sử học, *tlđd*, tr. 806.

²⁵ Nội các triều Nguyễn, *tlđd*, tr. 391.

²⁶ Viện Sử học, *tlđd*, tr. 884; Quốc sử quán triều Nguyễn, *tlđd*, tập 1, tr. 482, tập 2, tr. 77.

3. Giá trị lịch sử của chế định trách nhiệm công vụ trong pháp luật triều Nguyễn đối với kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay

Chế định trách nhiệm công vụ trong pháp luật triều Nguyễn không chỉ phản ánh trình độ phát triển của kỹ thuật pháp lý trong Nhà nước phong kiến mà còn chứa đựng nhiều giá trị lịch sử có ý nghĩa tham khảo trực tiếp đối với kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

Thứ nhất, ở phương diện lập pháp, pháp luật triều Nguyễn đã đặt nền tảng cho việc kiểm soát quyền lực thông qua việc xác định rõ nghĩa vụ pháp lý của quan lại, đặc biệt là nghĩa vụ trung quân gắn với các chế tài đặc biệt nghiêm khắc đối với hành vi xâm phạm hoàng quyền. Việc quy định các hành vi như mưu phản, đại bất kính trong nhóm “Thập ác tội” cho thấy tư duy thiết lập những giới hạn pháp lý mang tính tuyệt đối đối với việc thực thi quyền lực. Giá trị này gợi mở cho pháp luật hiện nay yêu cầu tiếp tục cụ thể hóa trách nhiệm công vụ theo từng chức danh, từng vị trí việc làm, bảo đảm nguyên tắc quyền lực phải được ràng buộc bằng trách nhiệm pháp lý rõ ràng. Thực tiễn pháp luật hiện nay cho thấy, trong một số trường hợp, pháp luật chưa quy định rõ ràng, cụ thể trách nhiệm của công chức cũng như trách nhiệm tập thể với trách nhiệm cá nhân, do đó, trong nhiều trường hợp quy định quyền chưa tương xứng với nhiệm vụ²⁷, qua đó càng cho thấy ý nghĩa tham khảo của cách tiếp cận từ pháp luật triều Nguyễn.

Thứ hai, ở phương diện quản lý hành chính, pháp luật triều Nguyễn thể hiện rõ

việc lượng hóa trách nhiệm công vụ và kiểm soát quyền lực qua các tiêu chí về hiệu quả và liêm chính. Quy định về thời hạn, xử lý tấu sớ cho thấy trách nhiệm đã được cụ thể hóa để kiểm tra, đánh giá. Đồng thời, các quy định nghiêm khắc về phòng, chống tham nhũng phản ánh tư duy kiểm soát quyền lực bằng pháp luật; điều này vẫn có ý nghĩa trong bối cảnh hiện nay khi công tác phòng, chống tham nhũng được đẩy mạnh với nhiều vụ án lớn được xử lý và chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng²⁸, cho thấy sự tương đồng về nguyên tắc giữa pháp luật hiện đại và tư duy pháp lý thời Nguyễn. Bên cạnh đó, cải cách hành chính hiện nay đang hướng tới việc định lượng trách nhiệm công vụ thông qua hệ thống các chỉ số như PAR INDEX, SIPAS, PCI và PAPI, kết hợp giữa đánh giá nội bộ và phản hồi từ người dân, doanh nghiệp²⁹. Cách tiếp cận này cho thấy sự kế thừa về phương pháp quản lý khi trách nhiệm không chỉ mang tính định tính mà còn được xác định rõ bằng kết quả thực thi và đánh giá xã hội.

Thứ ba, trên phương diện xét xử (tư pháp), pháp luật triều Nguyễn đặt ra những ràng buộc chặt chẽ về trình tự, thủ tục và trách nhiệm cá nhân của quan lại, qua đó kiểm soát trực tiếp quyền lực tư pháp. Các quy định như không được tự ý thay đổi tội danh, phải dẫn chiếu đúng điều luật, không được kéo dài việc giam giữ cho thấy nhận thức rõ ràng về nguy cơ lạm quyền trong hoạt động xét xử. Giá trị này có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh cải cách tư pháp hiện nay, khi yêu cầu bảo đảm nguyên tắc tranh tụng, nâng cao trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và phòng, chống oan, sai ngày càng được đặt ra. Thực tiễn một số vụ

²⁷ Thái Thị Phương Lan, *Trách nhiệm công vụ của công chức theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn các tỉnh Nam Trung Bộ*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 2020, tr. 83.

²⁸ Hạnh Nguyên, *Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng*, <https://ubkttw.vn/danh-muc/tin-tuc-thoi-su/hoi-nghi-toan-quoc-tong-ket-cong-tac-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-nhiem-ky-dai-hoi-xiii-cua-dang.html>, truy cập ngày 18/4/2026.

²⁹ Bùi Phương Định - Nguyễn Thị Hoài Thu, *The Underlying Indicators of Good Governance in Vietnam*, VNU Journal of Science: Policy and Management Studies, Vol. 36, No. 4, 2020, tr. 35–47.

án oan trong thời gian qua³⁰ cho thấy hậu quả nghiêm trọng của việc vi phạm trình tự, thủ tục tố tụng, qua đó càng khẳng định tính bền vững của nguyên tắc kiểm soát quyền lực tư pháp bằng các ràng buộc pháp lý chặt chẽ.

Thứ tư, trách nhiệm công vụ trong pháp luật triều Nguyễn được bảo đảm không chỉ bằng các quy định riêng lẻ mà bằng một hệ thống cơ chế mang tính tổng thể, qua đó việc kiểm soát quyền lực được triển khai dưới nhiều hình thức và ở các cấp độ khác nhau. Các thiết chế như Đô sát viện, cơ chế hặc tấu hay khảo hạch quan lại đã tạo ra sự giám sát từ nhiều phía trong nội bộ bộ máy nhà nước, góp phần hạn chế lạm quyền và nâng cao kỷ luật hành chính. Tư duy kiểm soát quyền lực thông qua giám sát nội bộ và kiểm soát chéo này có ý nghĩa tham khảo trực tiếp đối với việc hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực hiện nay, trong bối cảnh yêu cầu tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước, siết chặt kỷ luật, kỷ cương và phát huy hiệu quả các cơ chế thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát đã được xác định rõ trong Nghị quyết số 27-NQ/TW³¹.

Thứ năm, trong mối liên hệ với yêu cầu bảo đảm đạo đức công vụ và phòng ngừa xung đột lợi ích, “lệ hồi ty” của triều Nguyễn thể hiện một nguyên tắc kiểm soát quyền lực có giá trị thời sự sâu sắc. Việc quy định quan lại không tham gia giải quyết các công việc liên quan đến địa phương, gia đình phản ánh nhận thức sớm về nguy cơ tha hóa quyền lực dưới tác động của lợi ích cá nhân. Ở xã hội hiện tại, nguyên tắc này đã được thể chế hóa trong pháp luật về phòng, chống tham nhũng và kiểm soát xung đột lợi ích, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm như quyết định hành chính và công tác

cán bộ. Tuy vậy, khuôn khổ pháp lý hiện hành vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng cụ thể, minh bạch và khả thi hơn³². Qua đó có thể thấy, “lệ hồi ty” không chỉ mang giá trị lịch sử mà còn là nền tảng nguyên tắc được kế thừa trực tiếp trong thiết kế các thiết chế kiểm soát quyền lực ở Việt Nam hiện nay.

Việc tham khảo các giá trị lịch sử này cần đặt trong bối cảnh của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nơi quyền lực nhà nước được tổ chức và kiểm soát trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật, gắn với nguyên tắc bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Và việc kế thừa không phải là sao chép các quy định cụ thể mà là tiếp thu các nguyên tắc nền tảng, đồng thời thể chế hóa bằng các công cụ pháp lý hiện đại, phù hợp với yêu cầu quản trị Nhà nước trong điều kiện mới.

Kết luận

Chế định trách nhiệm công vụ trong pháp luật triều Nguyễn thể hiện trình độ lập pháp tương đối chặt chẽ, phản ánh nhận thức rõ về yêu cầu kiểm soát quyền lực thông qua ràng buộc trách nhiệm của quan lại. Các quy định về nghĩa vụ, kỷ luật hành chính, trách nhiệm xét xử và phòng ngừa xung đột lợi ích đã góp phần duy trì kỷ cương và ổn định xã hội. Dù mang dấu ấn phong kiến, nhiều giá trị cốt lõi vẫn có ý nghĩa tham khảo hiện nay, như nguyên tắc gắn quyền lực với trách nhiệm, minh bạch hóa hoạt động công vụ và tăng cường cơ chế kiểm soát. Việc kế thừa có chọn lọc, kết hợp với nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền, sẽ góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay■

³⁰ Khánh Huyền, *Vấn đề oan, sai trong tố tụng hình sự và trách nhiệm bồi thường của Nhà nước*, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam, <https://lsvn.vn/van-de-oan-sai-trong-to-tung-hinh-su-va-trach-nhiem-boi-thuong-cua-nha-nuoc-a89950.html>, truy cập ngày 18/4/2026.

³¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

³² Lê Thị Hoa, *Kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ nhằm phòng, chống tham nhũng*, Tạp chí Quản lý nhà nước, số 339 (tháng 4), 2024, tr. 45-47.